Quỹ ETF IPAAM VN100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No: 2025815 /TB-FUEIP100

Hà Nội 15/08/2025
/As at 15-Aug-25

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A
Digitally signed by CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hai Bà Trưng, CN=CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102703178
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.08.15 17:41:41+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company:*

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank
3. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**
4. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100
5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : **18/08/2025**
7. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	*Quantity*	*Weight*
I.	Chứng khoán/Stock	1,227,490,000	95.62%
1	ACB	2,100	4.34%
2	BID	100	0.32%
3	BVH	100	0.48%
4	CII	200	0.38%
5	CMG	100	0.35%
6	CTG	400	1.53%
7	DBC	100	0.24%
8	DCM	100	0.32%
9	DGC	100	0.81%
10	DGW	100	0.35%
11	DIG	300	0.54%
12	DPM	200	0.44%
13	DXG	400	0.66%
14	EIB	700	1.62%
15	EVF	300	0.36%
16	FPT	600	4.74%
17	FRT	100	1.11%
18	FTS	100	0.32%
19	GAS	100	0.54%
20	GEX	300	1.32%
21	GMD	200	0.93%

22	GVR	100	0.24%
23	HAG	300	0.37%
24	HCM	200	0.45%
25	HDB	1,200	2.90%
26	HDG	100	0.25%
27	HHV	200	0.23%
28	HPG	2,000	4.36%
29	HSG	200	0.30%
30	KBC	200	0.51%
31	KDC	100	0.42%
32	KDH	300	0.83%
33	LPB	1,300	3.95%
34	MBB	2,000	4.40%
35	MSB	900	1.11%
36	MSN	400	2.59%
37	MWG	500	2.75%
38	NAB	700	0.87%
39	NKG	200	0.26%
40	NLG	100	0.35%
41	OCB	300	0.30%
42	PAN	100	0.26%
43	PC1	100	0.22%
44	PDR	200	0.37%
45	PLX	100	0.30%
46	PNJ	100	0.67%
47	POW	300	0.37%
48	PVD	100	0.18%
49	PVT	100	0.15%
50	REE	100	0.52%
51	SAB	100	0.37%
52	SHB	1,400	2.27%
53	SSB	700	1.13%
54	SSI	700	1.99%
55	STB	900	3.78%
56	TCB	1,800	5.27%
57	TCH	200	0.38%
58	TPB	700	1.06%
59	VCB	400	2.00%
60	VCG	200	0.42%
61	VCI	200	0.71%
62	VHM	600	4.39%
63	VIB	800	1.27%
64	VIC	700	6.45%

65	VIX	700	1.89%
66	VJC	100	1.13%
67	VND	500	0.96%
68	VNM	400	1.90%
69	VPB	2,100	5.09%
70	VRE	400	0.94%
II.	**Tiền/Cash (VND)**	**56,289,593**	**4.38%**
III.	**Tổng/Total**	**1,283,779,593**	**100.00%**

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/
Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Value of component securities basket*: (VND) 1,227,490,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per ETF creation unit*: (VND) 1,283,779,593

Giá trị chênh lệch/*Cash component*: (VND) 56,289,593

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	*Securities code*	*Substitution cash per share VND*	Applied to	Reason
1	ACB	26,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	41,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	101,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	59,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	28,250	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	70,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	86,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	66,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	37,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	19,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	31,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	24,700	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: https://ipaam.com.vn/vi/home/

Đại diện tổ chức/*Organization Representative*

Người được ủy quyền công bố thông tin/ *Persons Authorized to Disclose Information*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / *(Signature, full name and seal - if any)*

M.S.D.N: 0102705178 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Lan